

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST

Ngày: 16/5/2022

V/v tranh chấp đòi lại tài sản  
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Mười

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Bùi Trung

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10/5 và 16/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2019, về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản quyền sử dụng đất*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-DS ngày 02/4/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 44/2021/QĐST-DS ngày 25/11/2021 và các Thông báo về thời gian tiếp tục phiên tòa: Số 875/TB-TA ngày 24/12/2021, số 17/TB-TA ngày 07/01/2022, số 40/TB-TA ngày 18/01/2022, số 71/TB-TA ngày 11/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-DS ngày 04/3/2022 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 239/TB-TA ngày 12/4/2022, giữa:

**- Nguyên đơn:** Ông Đỗ Thượng U, sinh năm 1950; địa chỉ: Xóm N, thôn B, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Thượng U:* Ông Phan Văn V, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ liên hệ: Số 71 đường Phan Đình P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (văn bản ủy quyền ngày 14/8/2019).

**- Bị đơn:** Bà Đỗ Thị Hồng H, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm N, thôn B, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà H ủy quyền cho bà Bùi Thị H1, sinh năm 1980; địa chỉ: Đội 12, thôn N, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền ngày 20/12/2019).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn Long Thành, xã Tịnh Thiện, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm 1, thôn Long Bàn, xã Tịnh An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bà Đỗ Thị H2, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn Phú Bình, xã Tịnh Châu, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Bà Đỗ Thị Hu, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn Long Bàn, xã Tịnh An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1991

6. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: Xóm N, thôn B, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Đỗ Thị H2, bà Đỗ Thị Hu và anh Nguyễn Văn P cùng ủy quyền cho bà Bùi Thị H1, sinh năm 1980; địa chỉ: Đội 12, thôn Hà Nhai, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi (theo các văn bản ủy quyền ngày 26/12/2019, ngày 08/6/2020).

7. Chị Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn L, xã L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Số 48 đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh K, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2019, các đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/8/2019, 27/9/2019, 08/11/2019 và 24/12/2019, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Đỗ Thượng U và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Văn V trình bày:*

Cha mẹ nguyên đơn là cụ Đỗ T (chết năm 1989) và cụ Đoàn Thị Th (chết năm 2018) có 03 con chung là bà Đỗ Thị C, bà Đỗ Thị T và ông Đỗ Thượng U, ngoài ra không còn người con nào khác.

Cụ Đỗ T và cụ Phạm Thị T (mẹ bà Đỗ Thị Hồng H) có đăng ký chung quyền sử dụng đất theo Chỉ thị 299/TTg diện tích 3.920m<sup>2</sup> tại xóm N, thôn B, xã T, huyện T (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi. Theo bản đồ đo vẽ năm 1996 là thửa 1019, tờ bản đồ số 20 (nay là thửa 202, tờ bản đồ số 38, đo vẽ năm 2016), diện tích 2.656m<sup>2</sup>.

Sau khi cụ Tới chết, ông U là người trực tiếp quản lý, sử dụng đến nay. Trên thửa đất có 01 ngôi nhà thờ tổ tiên do ông U quản lý, sử dụng thực hiện nghĩa vụ thờ cúng và 01 ngôi nhà cấp 4 do bà Đỗ Thị Hồng H quản lý, sử dụng. Ngoài ra không có cây cối hoa màu nào khác. Vì điều kiện kinh tế khó khăn, nguyên đơn phải thường xuyên đi làm ăn xa nên bà Đỗ Thị Hồng H đã thực hiện thủ tục đăng ký toàn bộ quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho cá nhân bà H.

Thửa đất 1019 có nguồn gốc là thửa 71, tờ bản đồ số 9, diện tích 3.290m<sup>2</sup>, loại đất T, trang 117, số thứ tự 30, quyền số 01, chủ sử dụng đất là ông Đỗ T, bà Phạm Thị T đăng ký chung. Do đó, quyền sử dụng đất trên là tài sản chung của cụ Tới và cụ Thuần. Nay, ông U yêu cầu giải quyết:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Sơn Tịnh (nay là thành phố Quảng Ngãi) cấp cho bà Đỗ Thị Hồng H đối với thửa đất số 1019, tờ bản đồ số 20, đo vẽ năm 1996 (nay là thửa đất số 202, tờ bản đồ số 38, đo vẽ năm 2016), diện tích 2.656m<sup>2</sup>, tại xã Tịnh Thiện, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chia tài sản chung của ông Đỗ T và bà Phạm Thị T là thửa đất số 1019, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.656m<sup>2</sup>. Ông Đỗ T và bà Phạm Thị T đều đã chết nên để lại cho ông Đỗ Thượng U và bà Đỗ Thị Hồng H mỗi người được hưởng  $\frac{1}{2}$  thửa đất, tương ứng diện tích 1.328m<sup>2</sup>. Ông U yêu cầu được nhận phần đất có ngôi nhà thờ do ông U đang sử dụng để thờ cúng.

Tại phiên tòa ngày 25/11/2021; Biên bản làm việc ngày 24/12/2021 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn xác định thay đổi yêu cầu khởi kiện:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Sơn Tịnh (nay là thành phố Quảng Ngãi) cấp cho bà Đỗ Thị Hồng H đối với thửa đất số 1019, tờ bản đồ số 20, đo vẽ năm 1996 (nay là thửa đất số 202, tờ bản đồ số 38, đo vẽ năm 2016), diện tích 2.656m<sup>2</sup>, tại xã Tịnh Thiện, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đòi lại tài sản, buộc bà Đỗ Thị Hồng H phải trả lại cho các đồng thừa kế của ông Đỗ T gồm nguyên đơn ông Đỗ Thượng U, bà Đỗ Thị C và bà Đỗ Thị T  $\frac{1}{2}$  diện tích thửa đất số 1019, tờ bản đồ số 20, đo vẽ năm 1996 (nay thửa 202, tờ bản đồ số 38, đo vẽ năm 2016), diện tích 2.656m<sup>2</sup>, tương đương diện tích 1.328m<sup>2</sup>, có nguồn gốc của cha nguyên đơn để lại. Ông U yêu cầu bị đơn phải trả lại phần diện tích đất có căn nhà thờ hiện nay ông U đang quản lý, sử dụng.

Về căn nhà thờ trên thửa đất do ông nội của nguyên đơn xây dựng, để lại cho ông Đỗ T và sau đó để lại cho nguyên đơn quản lý, sử dụng vào mục đích thờ cúng. Quá trình quản lý, sử dụng nguyên đơn có sửa chữa căn nhà như hiện nay và hiện nay vẫn đang tiếp tục quản lý, sử dụng. Vì vậy, nguyên đơn xác định không có tranh chấp, yêu cầu gì đối với căn nhà thờ này.

*\* Tại các bản trình bày ý kiến ngày 19/11/2019, ngày 12/3/2021, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Đỗ Thị Hồng H và người đại diện theo ủy quyền của bà H là bà Bùi Thị H1 trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất 1019, tờ bản đồ số 20, tại xã Tịnh Thiện, huyện Sơn Tịnh (nay là thành phố Quảng Ngãi), tỉnh Quảng Ngãi là của ông Đỗ Phán sử dụng trước năm 1975. Ông Phán có người con là Đỗ Đoan (vợ là bà Nguyễn Thị Trúc hay còn gọi là bà Trọ). Ông Đoan, bà Trọ có hai con là Đỗ Trọ và Đỗ Học. Ông Đỗ Học có vợ là bà Phạm Thị T có 03 con là Đỗ Thị H2, Đỗ Thị Hu và Đỗ Thị Hồng H.

Ông Đỗ Phán có người em là Đỗ Phán, ông Phán có con trai là Đỗ T là cha của nguyên đơn ông Đỗ Thượng U.

Thửa đất này ông Đỗ Phán ở, canh tác từ trước năm 1975 và cho ông Đỗ Phán một phần. Sau khi ông Phán chết để lại cho ông Tới và ông Tới chết để lại cho ông Đỗ Thượng U. Phần đất còn lại của ông Phán có diện tích 2.746m<sup>2</sup>. Khi ông Phán cho đất ông Phán thì đã phân chia ranh giới rõ ràng, phần của ai người đó ở, không ai tranh chấp, lấn chiếm. Sau khi ông Phán chết để lại cho vợ chồng ông Đỗ Đoan ở, canh tác. Ông Đoan chết để lại thửa đất trên cho ông Đỗ Học, bà Phạm Thị T và sau này để lại cho bà Đỗ Thị Hồng H.

Năm 1980, khi đăng ký chỉ thị 299/TTg thì ông Đỗ T, bà Phạm Thị T đăng ký chung vì nguồn gốc thửa đất của ông Tới, bà Thuận là chung mảnh đất lớn của ông Phán, tổng diện tích 3.920m<sup>2</sup>.

Bà Đỗ Thị Hồng H đã ở trên thửa đất 1019 từ năm 1962. Khi thực hiện cân đối đất theo Nghị định 64/CP thì phần đất bà H đang ở cũng được đưa vào cân đối cấp cho hộ bà Đỗ Thị Hồng H và sau đó được UBND huyện Sơn Tịnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 061107, sổ vào sổ 01705 QSDĐ/44/QĐUB ngày 07/11/1996, thửa đất số 1019, tờ bản đồ số 20, xã Tịnh Thiện, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi cho bà Đỗ Thị Hồng H. Phần diện tích đất ông Đỗ Phán cho ông Đỗ Phán có ranh giới rõ ràng và cũng đã được đưa vào cân đối theo Nghị định 64/CP và UBND huyện Sơn Tịnh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Thượng U tại thửa đất số 1040, diện tích 1040m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 20, xã Tịnh Thiện. Do đó, bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về căn nhà thờ trên đất có diện tích 25,7m<sup>2</sup> là của ông Đỗ Phán tạo lập trước giải phóng. Sau khi ông Đỗ Phán chết thì vợ chồng con trai là Đỗ Đoan và Nguyễn Thị Trúc quản lý, sử dụng. Sau đó căn nhà này hư hỏng sụp đổ, được các anh chị em góp tiền của, công sức xây dựng lại để thờ cúng ông bà, tổ tiên. Ông Đỗ Thượng U thường xuyên đi làm ăn xa, lúc cúng giỗ thì ông U có về thắp hương chứ không trực tiếp quản lý nhà thờ. Tuy nhiên, đây là căn nhà để thờ cúng chung, nguyên đơn không tranh chấp nên bị đơn không có ý kiến, yêu cầu gì đối với ngôi nhà này.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T và bà Đỗ Thị C trình bày: Các bà thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông Đỗ Thượng U. Đối với phần diện tích đất và nhà mà cha mẹ các bà để lại cho các bà thụ hưởng thì các bà đồng ý giao lại cho ông Đỗ Thượng U toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt.*

*\* Tại Đơn trình bày ý kiến ngày 16/12/2019, Bản trình bày ý kiến ngày 20/10/2020, Bản trình bày ý kiến ngày 24/12/2021, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H2, bà Đỗ Thị Hu, anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Thị Thanh B và người đại diện theo ủy quyền của bà Hồng, bà Hương, anh Phương là bà Bùi Thị H1 trình bày: Thống nhất với nội dung trình bày của bà Đỗ Thị Hồng H.*

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, UBND thành phố Quảng Ngãi tỉnh Quảng Ngãi trình bày:*

Thửa đất 1019, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.656m<sup>2</sup>, loại đất T, tương ứng qua bản đồ 299/TTg là một phần thửa đất số 71, tờ bản đồ số 9, diện tích 3.920m<sup>2</sup>, loại đất T; theo sổ mục kê trang số 20, quyển số 3 thì thửa đất số 71, tờ bản đồ số 9, diện tích 3.920m<sup>2</sup> chủ sử dụng đất ghi tên Đỗ T; theo sổ đăng ký ruộng đất (mẫu 5b) tại trang số 117, quyển số 1 thì thửa đất số 71, tờ bản đồ số 9, diện tích 3.920m<sup>2</sup> chủ sử dụng đất ghi tên Đỗ T + Phạm Thị T.

Năm 1996, bà Đỗ Thị Hồng H được UBND huyện Sơn Tịnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1041, tờ bản đồ số 20, diện tích 496m<sup>2</sup>, loại đất T và thửa đất 1019, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.656m<sup>2</sup>, loại đất V, xã Tịnh Thiện, huyện Sơn Tịnh (nay là thành phố Quảng Ngãi), tỉnh Quảng Ngãi. Thửa đất 1019, tờ bản đồ số 20, xã Tịnh Thiện tương ứng qua bản đồ đo vẽ năm 2016 là thửa số 202, tờ bản đồ số 38, hiện nay chủ hộ không đi kê khai theo dự án đo đạc 20 xã, phường.

Qua kiểm tra hồ sơ, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phát sinh đơn tranh chấp nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị Hồng H là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

*\* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:*

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đỗ Thị Hồng H trình bày: con trai bà là anh Nguyễn Văn M hiện nay có dấu hiệu trầm cảm, tinh thần lúc bình

thường, có lúc không ổn định, có Sở theo dõi sức khỏe tâm thần của bệnh viện cấp. Tòa án đã giải thích về quyền yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức và điều khiển hành vi dân sự đối với anh Minh nhưng các đương sự không có ai yêu cầu. Theo bà Đỗ Thị Hồng H, hiện nay anh Nguyễn Văn M đang sống chung với bà nên bà sẽ đại diện, bảo vệ quyền lợi của anh M trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn M, bà Đỗ Thị C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, chị Nguyễn Thị Thanh B và người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố Quảng Ngãi là ông Nguyễn Anh K có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu triệu tập ông Đỗ Ngọc Tài, UBND xã Tịnh Thiện tham gia tố tụng tại phiên tòa để đối chất, làm rõ một số nội dung vụ án. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, UBND xã Tịnh Thiện đã cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Đối với ông Đỗ Ngọc Tài, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án Đơn xin xác nhận không đề ngày tháng năm và tại phiên tòa, nguyên đơn tiếp tục cung cấp Đơn xin xác nhận ngày 27/01/2022 của ông Tài. Mặt khác, UBND xã Tịnh Thiện, ông Đỗ Ngọc Tài không phải là đương sự trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải triệu tập UBND xã Tịnh Thiện, ông Đỗ Ngọc Tài tham gia phiên tòa theo yêu cầu của nguyên đơn.

[1.3] Về thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xác định quan hệ tranh chấp:

- Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Đỗ Thượng U yêu cầu giải quyết: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Sơn Tịnh cấp cho bà Đỗ Thị Hồng H đối với thửa đất số 1019, tờ bản đồ số 20, đo vẽ năm 1996 (nay là thửa đất số 202, tờ bản đồ số 38, đo vẽ năm 2016), diện tích 2.656m<sup>2</sup>, tại xã Tịnh Thiện, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là thửa 1019); chia tài sản chung của ông Đỗ T và bà Phạm Thị T là thửa đất số 1019 cho ông Đỗ Thượng U và bà Đỗ Thị Hồng H mỗi người được hưởng ½ thửa đất, tương ứng diện tích 1.328m<sup>2</sup>. Ông U yêu cầu được nhận phần đất có ngôi nhà thờ do ông U đang sử dụng để thờ cúng.

Tại phiên tòa ngày 25/11/2021, Biên bản làm việc ngày 24/12/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn xác định thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Sơn Tịnh cấp cho bà Đỗ Thị Hồng H đối với thửa đất số 1019; Đòi lại tài sản, buộc bà Đỗ Thị Hồng H phải trả lại cho ông Đỗ Thượng U, bà Đỗ Thị C, bà Đỗ Thị T ½ diện tích thửa đất số 1019, tương đương diện tích 1.328m<sup>2</sup>, có nguồn gốc của cha nguyên đơn để lại. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không

vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại Thông báo thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định quan hệ tranh chấp về việc: *“Tranh chấp chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Khi giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết”*. Căn cứ quy định trên, khi giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án sẽ xem xét hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự, không phụ thuộc vào việc đương sự có hay không có yêu cầu, Tòa án cũng không thu tiền tạm ứng án phí và đương sự cũng không phải chịu án phí đối với yêu cầu này. Vì vậy, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn không phải là yêu cầu khởi kiện. Đồng thời người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện từ chia tài sản chung thành đòi lại tài sản như đã nhận định ở trên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: *“Tranh chấp đòi lại tài sản quyền sử dụng đất”* là phù hợp quy định tại các Điều 26, 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Theo nội dung khởi kiện, nguyên đơn ông Đỗ Thượng U trình bày trên thửa đất số 1019, có 01 ngôi nhà của bà Đỗ Thị Hồng H và 01 ngôi nhà của cha ông để lại để thờ cúng. Ông yêu cầu giải quyết như nội dung đã trình bày ở mục [1.3], ông không có tranh chấp đối với ngôi nhà thờ nêu trên. Tại Đơn xin hoãn phiên tòa đề ngày 30/7/2021, ông trình bày về việc tài sản là ngôi nhà ở trên đất ông chưa ủy quyền cho ông Việt nên ông yêu cầu triệu tập ông tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo về thời gian mở phiên tòa cho ông nhưng ông đều vắng mặt. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông ủy quyền cho ông Phan Văn V (theo văn bản ủy quyền ngày 14/8/2019) được toàn quyền quyết định mọi vấn đề có liên quan đến việc giải quyết vụ án (bút lục 29); tại Biên bản làm việc ngày 24/12/2021 và tại phiên tòa, ông Việt khẳng định không tranh chấp gì đối với ngôi nhà thờ này. Tại phiên tòa hôm nay, ông U vắng mặt nhưng có người đại diện là ông Việt tham gia phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Tại Biên bản làm việc ngày 24/12/2021 và Đơn yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 31/12/2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Văn V yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với căn nhà thờ, có diện tích theo sơ đồ đo vẽ của Công ty Cổ phần đo đạc nhà đất Cao Phú Thịnh - Chi nhánh Quảng Ngãi là 25,7m<sup>2</sup>, vì khi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/01/2020 ông không có mặt nên việc xác định căn nhà thờ chỉ có diện tích 25,7m<sup>2</sup> là không chính xác. Tuy nhiên, tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/01/2020, nguyên đơn ông Đỗ Thượng U có mặt và ký vào Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ (bút lục 122). Sau khi có kết quả đo vẽ của Công ty Cổ phần đo đạc nhà đất Cao Phú Thịnh - Chi nhánh Quảng Ngãi, Tòa án đã thông báo cho các

đương sự biết nhưng không ai có ý kiến gì về kết quả đo (bút lục 150). Tại phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì phía nguyên đơn cũng không có yêu cầu Tòa án thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác. Đồng thời cũng tại Biên bản làm việc ngày 24/12/2021, nguyên đơn xác định không tranh chấp đối với ngôi nhà thờ nêu trên. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu thu thập chứng cứ, tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ để đo đạc lại diện tích căn nhà thờ trên đất như trên là không cần thiết.

## **[2] Về nội dung:**

[2.1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định: Nguồn gốc thửa đất 1019, tờ bản đồ số 20, diện tích  $2.656m^2$ , xã Tịnh Thiện, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, tương ứng qua bản đồ 299/TTg là một phần thửa đất số 71, tờ bản đồ số 9, diện tích  $3.920m^2$ , loại đất T; theo sổ mục kê trang số 20, quyển số 3 thì thửa đất số 71, tờ bản đồ số 9, diện tích  $3.920m^2$  chủ sử dụng đất ghi tên Đỗ T; theo sổ đăng ký ruộng đất (mẫu 5b) tại trang số 117, quyển số 1 thì thửa đất số 71, tờ bản đồ số 9, diện tích  $3.920m^2$  chủ sử dụng đất ghi tên Đỗ T + Phạm Thị T; đối chiếu bản đồ đo vẽ năm 2016 là thửa đất số 202, tờ bản đồ số 38, xã Tịnh Thiện, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại Công văn số 1242/CNTPQN ngày 15/8/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh thành phố Quảng Ngãi (bút lục 26) và Biên bản làm việc ngày 15/10/2020 giữa Tòa án với UBND xã Tịnh Thiện thể hiện: Thửa đất 71, tờ bản đồ số 09 (theo bản đồ 299/TTg) tương ứng qua bản đồ năm 1999 biến động thành 02 thửa là thửa 1019, diện tích  $2.656m^2$  và thửa 1040, diện tích  $1040m^2$ , cùng tờ bản đồ số 20, xã Tịnh Thiện. Theo bản đồ đo vẽ năm 2016 thì thửa đất số 1019 biến động thành thửa 202 và thửa đất 1040 biến động thành thửa đất 209, cùng tờ bản đồ số 38, xã Tịnh Thiện, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[2.2] Theo nguyên đơn trình bày: Cụ Đỗ T (cha của nguyên đơn ông Đỗ Thượng U) và cụ Phạm Thị T (mẹ của bị đơn bà Đỗ Thị Hồng H) có đăng ký chung quyền sử dụng thửa đất có diện tích  $3.920m^2$ , tại xóm Hòa Nam, thôn Hòa Bân, xã Tịnh Thiện, huyện Sơn Tịnh (nay là thành phố Quảng Ngãi), tỉnh Quảng Ngãi theo Chỉ thị 299/TTg; theo bản đồ đo vẽ năm 1996 là thửa 1019, tờ bản đồ số 20, diện tích  $2.656m^2$ , xã Tịnh Thiện. Sau khi cụ Đỗ T chết, ông U là người trực tiếp quản lý, sử dụng đến nay. Đây là tài sản chung của cụ Tới, cụ Thuần. Cụ Tới, cụ Thuần chết nên để lại cho ông Đỗ Thượng U và bà Đỗ Thị Hồng H. Do đó, nguyên đơn yêu cầu buộc bà Đỗ Thị Hồng H phải trả lại cho nguyên đơn và bà Đỗ Thị C, bà Đỗ Thị T (là các đồng thừa kế của cụ Đỗ T)  $\frac{1}{2}$  diện tích thửa đất 1019, tương đương phần diện tích là  $1.328m^2$ . Tuy nhiên, nguyên đơn không xác định được cụ Tới đăng ký thửa đất nào, cụ Thuần đăng ký thửa đất nào, diện tích mỗi thửa là bao nhiêu mét vuông.

[2.3] Theo bị đơn trình bày nguồn gốc thửa đất 1019 nằm trong thửa đất số 71, tờ bản đồ số 9, diện tích  $3.920m^2$  của ông Đỗ Phán sử dụng trước năm 1975. Ông Phán có người con là Đỗ Đoan (vợ là bà Nguyễn Thị Trúc hay còn gọi là bà

Trợ). Ông Doan, bà Trợ có hai con là Đỗ Trợ và Đỗ Học. Ông Đỗ Học có vợ là bà Phạm Thị T có 03 con là Đỗ Thị H2, Đỗ Thị Hu và Đỗ Thị Hồng H. Ông Đỗ Phán có người em là Đỗ Phán, ông Phán có con trai là Đỗ T là cha của nguyên đơn ông Đỗ Thượng U.

Thửa đất này ông Đỗ Phán ở, canh tác từ trước năm 1975 và cho ông Đỗ Phán một phần (theo bản đồ đo vẽ năm 1996 là thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 20). Khi ông Phán để đất cho ông Phán thì đã phân chia ranh giới rõ ràng, phần của ai người đó ở, không ai tranh chấp, lấn chiếm. Sau khi ông Phán chết để lại cho vợ chồng ông Đỗ Doan ở, canh tác. Ông Doan chết để lại thửa đất trên cho ông Đỗ Học, bà Phạm Thị T và sau này để lại cho bà Đỗ Thị Hồng H. Phần đất của ông Đỗ Phán quản lý, sử dụng sau khi ông Phán chết để lại cho ông Đỗ T, sau này để lại cho ông Đỗ Thượng U và hiện nay ông U đang quản lý, sử dụng thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.040m<sup>2</sup>. Năm 1980, khi đăng ký chi thị 299/TTg thì ông Đỗ T, bà Phạm Thị T đăng ký chung vì có chung nguồn gốc đất là thửa đất 71, tờ bản đồ số 9, có tổng diện tích 3.920m<sup>2</sup>. Thực tế, phần đất của ông Đỗ T và bà Phạm Thị T quản lý, sử dụng đã phân chia ranh giới cụ thể, rõ ràng, không ai lấn chiếm của ai nên bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.4.1] Theo đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/6/1996, bà Đỗ Thị Hồng H đăng ký cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất 1019, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.656m<sup>2</sup>, tại thôn Hòa Bân, xã Tịnh Thiện. Ngày 07/11/1996, UBND huyện Sơn Tịnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 061107, số vào sổ 01705 QSDĐ/44/QĐUB, thửa đất số 1019, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.656m<sup>2</sup>, loại đất V, xã Tịnh Thiện cho bà Đỗ Thị Hồng H. Tại phần ghi thêm của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên có ghi “Đất cấp theo Nghị định 64/CP”. Tại Công văn số 331/TNMT ngày 22/9/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Quảng Ngãi cung cấp thông tin xác định: Qua kiểm tra, trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đỗ Thị Hồng H không phát sinh đơn tranh chấp, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo theo quy định của pháp luật (bút lục 197).

[2.4.2] Theo các biên bản làm việc ngày 15/10/2020, ngày 14/10/2021, UBND xã Tịnh Thiện cung cấp thông tin thể hiện: Theo Nghị định 64/CP thì UBND xã Tịnh Thiện có lập phương án giao đất nhưng không theo mẫu quy định chung mà được ghi theo sổ riêng. Theo sổ cân đối đất theo Nghị định 64 tại xã Tịnh Thiện thì thửa đất số 1019, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.656m<sup>2</sup> được cân đối cho hộ bà Đỗ Thị Hồng H, tại thời điểm cân đối thì hộ bà H có 4,5 nhân khẩu, gồm: Bà Phạm Thị T, bà Đỗ Thị Hồng H, chị Nguyễn Thị Thanh B, anh Nguyễn Văn M và Nguyễn Văn P. Do Nguyễn Văn M còn nhỏ nên được cân đối bằng 0,5 khẩu. Thửa đất số 1040, diện tích 1.040m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 20 được cân đối giao cho hộ ông Đỗ Thượng U, thời điểm cân đối thì hộ ông U có 07 nhân khẩu. Ngoài hai thửa đất trên thì hộ ông U, bà H còn được cân đối các thửa đất khác (bút lục 223).

Cũng tại Biên bản làm việc ngày 14/10/2021, ông Nguyễn Văn M nguyên là cán bộ đất đai trước đây của xã Tịnh Thiện, là người trực tiếp tham gia ban chỉ đạo thực hiện phương án cân đối đất đai theo Nghị định 64/CP trên địa bàn xã Tịnh Thiện khẳng định: Sau khi đo đạc về diện tích đất của từng hộ gia đình thì ban chỉ đạo có văn bản thông báo công khai cho các hộ dân để các hộ dân phản hồi ý kiến về kết quả đo đạc, kiểm kê diện tích từng thửa đất được cân đối theo định mức nhưng sau đó không có ai khiếu nại thắc mắc gì, kể cả hộ ông Đỗ Thượng U, hộ bà Đỗ Thị Hồng H. Về định mức bình quân chung là 828,2m<sup>2</sup>/khẩu đất nông nghiệp. Nếu vườn là đất màu không trồng lúa thì được quy định đổi theo tỉ lệ 1000m<sup>2</sup> trong vườn thì trừ ngoài đồng 200m<sup>2</sup> diện tích lúa (tức không được cân đối ngoài đồng). Thửa đất số 1019, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.656m<sup>2</sup> của bà Đỗ Thị Hồng H thuộc đất vườn màu nên cân đối toàn bộ diện tích 2.656m<sup>2</sup> cho bà H và bà H không được cân đối ngoài đồng khoảng 500m<sup>2</sup>. Vì vậy, việc cân đối diện tích 2.656m<sup>2</sup> là đúng quy định, định mức cho hộ gia đình bà H (4,5 khẩu).

[2.4.3] Theo bản đồ 299 thì thửa đất số 71, tờ bản đồ số 9, có tổng diện tích 3.920m<sup>2</sup>, xã Tịnh Thiện, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi có ký hiệu loại đất “T” nhưng khi thực hiện cân đối đất theo Nghị định 64/CP và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Đỗ Thị Hồng H ngày 07/11/1996, đối với thửa đất số 1019 (tách ra từ thửa 71) có ghi mục đích sử dụng “V”. Theo Công văn số 4179/UBND ngày 05/10/2021 của UBND thành phố Quảng Ngãi thì căn cứ nào để chuyển từ loại đất T sang đất V đối với thửa đất 1019, UBND thành phố Quảng Ngãi không có thông tin để cung cấp cho Tòa án.

Tại Biên bản làm việc ngày 14/10/2021 với UBND xã Tịnh Thiện nêu trên, ông Nguyễn Văn M và UBND xã Tịnh Thiện cung cấp thông tin tại thời điểm thực hiện chính sách đất đai theo Nghị định 64/Cp thì trên thửa đất 1019 có một nền nhà bị sụp đổ và một căn nhà tạm bợ do bà Thuận ở; bà H lúc ở, lúc đi làm ăn, không ở thường xuyên trên đất nên khi kiểm kê, đo đạc đất thì cán bộ đo đạc đã ghi chuyển toàn bộ sang đất vườn (V) để đưa vào thực hiện cân đối theo Nghị định 64/CP. Sau khi kiểm kê đo đạc thì Ban chỉ đạo đã công khai toàn bộ cho các hộ dân biết nhưng không ai có tranh chấp khiếu nại gì, kể cả hộ bà Đỗ Thị Hồng H và ông Đỗ Thượng U.

[2.4.4] Ngày 04/02/2001, ông Đỗ Thượng U có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đăng ký, kê khai đối với 09 thửa đất trong đó có thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.040m<sup>2</sup>, xã Tịnh Thiện (tách ra từ thửa đất số 71), được UBND huyện Sơn Tịnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03364 QSDĐ/390/QĐUB ngày 05/4/2002; ông không đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1019. Như vậy, ông U đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau thời điểm bà H đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 1019 nhưng không có tranh chấp, khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị Hồng H. Năm 2016, khi thực hiện đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án Vlap thì ông U cũng không kê khai, đăng ký, không tranh chấp đối với thửa đất 1019 đã

cấp cho bà Đỗ Thị Hồng H; đồng thời ông cũng xác định bà Đỗ Thị Hồng H là chủ sử dụng đất liền kề với thửa 1040.

[2.4.5] Về ranh, mốc giới giữa thửa 1040 với thửa 1019 và quá trình quản lý, sử dụng thửa 1019:

Bị đơn trình bày ranh, mốc giới giữa thửa 1040 với thửa 1019 đã hình thành từ lâu, nguyên đơn thừa nhận ranh giới giữa hai phần đất hình thành từ trước năm 1990; trình bày của nguyên đơn, bị đơn phù hợp với trình bày của ông Lê Rô (là người sinh sống gần thửa đất) và ông Nguyễn Văn M (nguyên cán bộ địa chính xã Tịnh Thiện). Cả ông Lê Rô và ông Nguyễn Văn M đều xác định hàng rào, ranh giới giữa hai thửa đất đã có từ rất lâu. Từ thời ông Đỗ T và bà Phạm Thị T ở trên đất thì hai phần đất trên đã phân chia và có ranh giới rõ ràng để hai bên quản lý, sử dụng, không có tranh chấp gì về ranh giới.

Nguyên đơn ông Đỗ Thượng U cho rằng từ sau khi cha ông là ông Đỗ T chết thì ông là người trực tiếp quản lý, sử dụng đối với thửa đất 1019 nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh là người trực tiếp quản lý, sử dụng và không được phía bị đơn thừa nhận. Trong khi đó, tại biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 18/4/2018 thể hiện ý kiến của ông Lâm Diên, ông Nguyễn Cổ là người biết về nguồn gốc đất cũng như ông Nguyễn Nhất (xóm trưởng Hòa Nam), ông Nguyễn Tùng (mặt trận thôn Hòa Bản) đều xác định chỉ biết bà Đỗ Thị Hồng H là người quản lý, sử dụng đất từ trước đến nay (bút lục 05).

Mặt khác, tại phiên tòa, ông Phan Văn V, bà Đỗ Thị T đều xác định cụ Đỗ T chết năm 1989, cụ Đoàn Thị Thuận (vợ cụ Tới) chết năm 2018; khi còn sống, cụ Đoàn Thị Thuận không có tranh chấp, khiếu nại gì về quá trình quản lý, sử dụng thửa đất số 1019 của bà Đỗ Thị Hồng H.

Như vậy, có căn cứ xác định thửa đất 71, tờ bản đồ số 9, có tổng diện tích 3.920m<sup>2</sup> theo sổ đăng ký ruộng đất (mẫu 5b) chủ sử dụng đất ghi tên Đỗ T + Phạm Thị T đăng ký chung nhưng thực tế đã được tách thành hai phần do cụ Đỗ T và cụ Phạm Thị T quản lý, sử dụng; theo bản đồ năm 1999 thì thửa đất 71 biến động thành 02 thửa là thửa 1019, diện tích 2.656m<sup>2</sup> và thửa 1040, diện tích 1040m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 20, xã Tịnh Thiện. Thửa đất số 1019, diện tích 2.656m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 20, xã Tịnh Thiện được bà Đỗ Thị Hồng H sử dụng ổn định, liên tục từ trước đến nay. Ngày 07/11/1996, thửa đất số 1019 được UBND huyện Sơn Tịnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị Hồng H; quá trình quản lý, sử dụng đất, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các bên không có tranh chấp, khiếu nại gì.

Do đó, việc nguyên đơn chỉ căn cứ vào việc cụ Tới, cụ Thuận có tên đăng ký chung theo sổ đăng ký ruộng đất để yêu cầu buộc bị đơn bà Đỗ Thị Hồng H phải trả lại cho nguyên đơn và bà Đỗ Thị C, bà Đỗ Thị T (các đồng thừa kế của cụ Đỗ T) ½ diện tích thửa đất số 1019, tờ bản đồ số 20 (bản đồ đo vẽ năm 1996 (nay là thửa đất số 202, tờ bản đồ số 38, đo vẽ năm 2016), tổng diện tích 2.656m<sup>2</sup>, tại xã Tịnh Thiện, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, tương đương diện tích

1.328m<sup>2</sup> là không đủ căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.5] Đối với yêu cầu xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị Hồng H đối với thửa đất 1019: Như đã nhận định trên, do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có căn cứ xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Sơn Tịnh cấp ngày 07/11/1996 cho bà Đỗ Thị Hồng H đối với thửa đất số 1019, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.656m<sup>2</sup>, xã Tịnh Thiện.

[2.6] Về tài sản là căn nhà thờ trên đất có diện tích 25,7m<sup>2</sup>, nguyên đơn xác định không tranh chấp, phía bị đơn cho rằng căn nhà này được xây dựng để thờ cúng ông bà, họ tộc, nguyên đơn không có tranh chấp nên bị đơn không có ý kiến, yêu cầu gì đối với căn nhà thờ này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc là 6.000.000 đồng + 2.000.000 đồng và chi phí thẩm định giá 11.000.000 đồng, tổng số tiền là 19.000.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá tài sản số tiền nêu trên theo quy định tại Điều 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Đỗ Thượng U đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong.

[4] Về án phí: Ông Đỗ Thượng U là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn tạm ứng án phí, án phí đúng quy định. Căn cứ các Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, ông Đỗ Thượng U được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 147, 157, 158, 165, 227, 228, 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 163, 164, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 10, Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; các Điều 26, 100, 166 và 203 Luật Đất đai năm 2013;

Các Điều 12, 14 và 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Thượng U về việc:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 061107, sổ vào sổ 01705 QSDĐ/44/QĐUB, thửa đất số 1019, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.656m<sup>2</sup>, xã Tịnh Thiện, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, do UBND huyện Sơn Tịnh (nay là thành phố Quảng Ngãi) cấp cho bà Đỗ Thị Hồng H, ngày 07/11/1996.

- Đòi lại tài sản chung, buộc bà Đỗ Thị Hồng H phải trả lại cho ông Đỗ Thượng U, bà Đỗ Thị C, bà Đỗ Thị T ½ diện tích thửa đất số 1019, tờ bản đồ số

20, bản đồ đo vẽ năm 1996 (nay là thửa đất số 202, tờ bản đồ số 38, đo vẽ năm 2016), tổng diện tích 2.656m<sup>2</sup>, tại xã Tịnh Thiện, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, tương đương diện tích 1.328m<sup>2</sup>.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Đỗ Thượng U phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và chi phí thẩm định giá tổng số tiền 19.000.000 đồng (*mười chín triệu đồng*). Ông Đỗ Thượng U đã nộp và đã chi phí xong.

3. Về án phí: Ông Đỗ Thượng U được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa (hoặc có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án) có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Mười**